

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS-ST
Ngày 21 tháng 9 năm 2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phai**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Nhận**

Bà **Cao Thị Mỹ Phụng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Đào**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2020/TLST – DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST – DS ngày 08 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-DS ngày 24/6/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 16/TB-TA ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Hộ kinh doanh T**

+ Người đại diện theo pháp luật: Bà **Huỳnh Xuân D**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khóm 2, phường H, thị xã G, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông **Trương Văn K**, sinh năm 1985

Bà **Lê Thị Huyền T**, sinh năm 1987

+ Cùng địa chỉ: Khóm 1, phường 1, thị xã G, tỉnh B.

(Bà Diễm có mặt; ông K và bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, nguyên đơn Hộ kinh doanh T (người đại diện bà Huỳnh Xuân Diễm) trình bày:

Vào ngày 27/10/2014 Hộ kinh doanh T có bán cho vợ chồng anh Trương Văn K và bà Lê Thị Huyền T các loại thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là khi nào ông K, bà T thu hoạch tôm. Việc mua bán và thời hạn trả tiền thì các bên thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản. Khi giao hàng thì ông K, bà T và người nhà của họ nhận hàng. Do ông K, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Hộ kinh doanh T đã chấm dứt giao dịch mua bán. Tính đến ngày 13/12/2019 thì ông K, bà T còn thiếu Hộ kinh doanh T là 467.914.000đ. Nay Hộ kinh doanh T yêu cầu ông K và bà T cùng có nghĩa vụ thanh toán cho Hộ kinh doanh T số tiền nợ gốc là 467.914.000đ. Không yêu cầu tính lãi xuất. Tuy nhiên, vẫn yêu cầu tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án đối với số tiền còn phải thi hành án cho đến khi trả hết nợ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/8/2020 bị đơn ông Trương Văn K trình bày:

Ông K thống nhất với lời trình bày của đại diện Hộ kinh doanh T. Việc mua bán thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản của Hộ kinh doanh T là để phục vụ cho việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình, nên đây là nợ chung của ông K và chị T. Nay ông đồng ý thanh toán số nợ gốc là 467.914.000đ. Ông K đồng ý trả lãi suất trong giai đoạn thi hành án đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn chị Lê Thị Huyền T:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T theo quy định của pháp luật, nhưng chị T vắng mặt nên không tiến hành ghi nhận ý kiến được. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị theo quy định tại Điều 178, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ LTTDS. Từ khi thụ lý đến phiên Tòa hôm nay nguyên đơn người đại diện bà Huỳnh Xuân Diễm đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 234 Bộ LTTDS 2015. Riêng bị đơn bà T vắng mặt suốt quá trình tố tụng

là chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ LTTDS 2015. Tại phiên tòa hôm nay ông K và bà T tiếp tục vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà T là đúng theo quy định tại Điều 228 Bộ LTTDS 2015.

Về nội dung vụ án: Buộc ông Trương Văn K và bà Lê Thị Huyền T có nghĩa vụ trả số tiền 467.914.000đ cho Hộ kinh doanh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng chị Lê Thị Huyền T theo quy định của pháp luật, nhưng chị T cố tình trốn tránh nên Tòa án không thể làm việc được với chị T. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T và anh K vắng mặt không có lý do chính đáng.

Nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh chị Lê Thị Huyền T và anh Trương Văn K theo quy định tại các Điều 178, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

Hợp đồng mua bán mua bán giữa Hộ kinh doanh T và ông Trương Văn K và bà Lê Thị Huyền T là có xảy ra trên thực tế, được các bên thừa nhận tại Bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 20/7/2019 và tại biên bản hòa giải ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã G.

Hộ kinh doanh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn K và chị T trả số nợ 467.914.000đ.

Ông Trương Văn K thừa nhận còn nợ Hộ kinh doanh T số tiền mua bán thức ăn và thuốc nuôi tôm số nợ 467.914.000đ, xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông K và bà T nên đồng ý cùng bà T có trách nhiệm liên đới trả số nợ trên. Quá trình làm việc Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị T vẫn vắng mặt

không có lý do chính đáng. Quá trình xác minh chị T và anh K là vợ chồng chung sống với nhau và có đăng ký K hôn theo quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử đủ căn chấp nhận theo yêu cầu của Hộ kinh doanh T. Buộc ông Trương Văn K và bà Lê Thị Huyền T trả số nợ gốc 467.914.000đ cho Hộ kinh doanh T.

[4] Xét phần trình bày ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông Trương Văn K, bà Lê Thị Huyền T phải nộp là 22.716.560đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G khi án có hiệu lực pháp luật. Số tiền dự nộp tạm ứng án phí 11.826.000đ lại thu số 0001824 ngày 30/6/2020 của Hộ kinh doanh T tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G sẽ được hoàn lại đủ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 178; Điều 228; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng các Điều 357, 430, 433, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T đối với ông Trương Văn K và bà Lê Thị Huyền T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán.

Buộc ông Trương Văn K và bà Lê Thị Huyền T có nghĩa vụ trả cho Hộ kinh doanh T số tiền nợ vốn là 467.914.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc ông Trương Văn K, bà Lê Thị Huyền T phải nộp là 22.716.560đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G khi án có hiệu lực pháp luật . Số tiền dự nộp tạm ứng án phí 11.826.000đ lai thu số 0001824 ngày 30/6/2020 của Hộ kinh doanh T tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G sẽ được hoàn lại đủ.

3. Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

- Nơi nhận:

- + TAND tỉnh Bạc Liêu;
- + VKSND thị xã G;
- + Chi cục THADS huyện G;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Phai

